



DrafStation

Dòng máy in phun Drafstation X

RJ-900X / RJ-901X

In Màu toàn diện:

Nhanh nhất **33** giây/A1

TỐC ĐỘ

Dòng máy in phun Drafstation X in sơ đồ, bản đồ nhanh chóng và đẹp mắt.

Dòng máy in này được cải tiến để kế thừa ý tưởng của dòng máy in ValueJet, "Đẹp - Nhanh chóng với giá cả hợp lý".



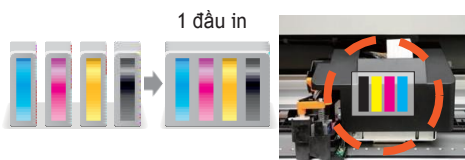
RJ-900X 42"

RJ-901X 24"

Những điểm nổi bật của dòng máy in phun Drafstation X.

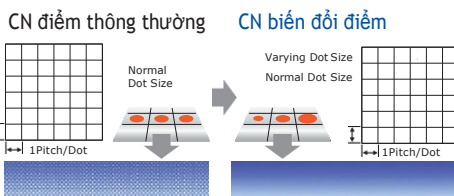
Đầu in

4 đầu in trước đây được tích hợp thành 1 đầu in. Với 4 màu chính CMYK và sự kết hợp màu hoàn hảo không cần hiệu chỉnh màu giúp dễ dàng đạt được những bản in xuất sắc.



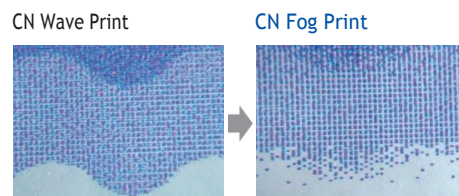
Công nghệ biến đổi điểm

Máy kết hợp chặt chẽ 3 dạng biến đổi điểm (lớn, trung bình và nhỏ) lấp đầy không gian trống. Tạo nên bản in mượt mà, tuyệt đẹp một cách tự nhiên.



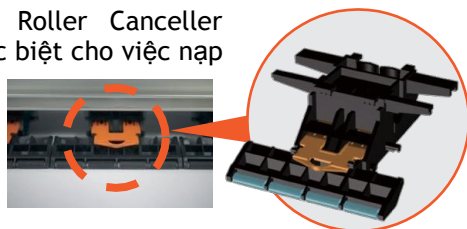
Công nghệ Wave Print

Xuất hiện các dải lượng sóng ngang là một hiện tượng phổ biến thường thấy trên các bản in được in bằng máy in phun. Wave Print là một công nghệ nhằm giảm thiểu các dải ngang này càng nhiều càng tốt.



Công cụ Pressure Roller Cancellor

Công cụ Pressure Roller Cancellor được phát triển đặc biệt cho việc nạp loại giấy cán mỏng.



Tính năng đặc biệt của ValueJet Club

Các dịch vụ đặc biệt "Status Monitor", "Report Mail", và "Smartphone Link" sẽ có sẵn khi đăng ký máy in Drafstation X của bạn với "ValueJet Status Monitor (VSM)".



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Dòng máy		RJ-900X	RJ-901X
Công nghệ in		Drop-on-demand Micro Piezo Inkjet Technology	
Cấu hình lỗ phun đầu in		180 lỗ x 8 hàng	
Điều chỉnh độ cao đầu in		1.2mm / 2.0 mm	
Hộp mực	Loại mực	Mực gốc nước: MUTOH Drafstation Pigment (K) / Water Base Dye (C, M, Y)	
	Màu mực	4 màu (C, M, Y, K)	
	Dung lượng	Hộp 110 ml (±5%)	
Chiều rộng giấy tối đa		1,080 mm	610 mm
Chiều rộng giấy tối thiểu		150 mm	
Độ dày giấy		0.3 mm ~ 1.3 mm	
Khối lượng tối đa cuộn giấy và Đường kính lõi giấy		19 kg / φ150 mm (3 inches / 2 inches)	5 kg / φ100 mm (3 inches / 2 inches)
Chiều rộng bản in tối đa		1,074 mm	604 mm
Lề in		3 mm (trước) / 3 mm (Sau) / 3 mm (Trái/ Phải)	
Độ phân giải		1440 dpi / 720 dpi / 360 dpi	
Tốc độ in (*1)		A1 Color Printing : 33 s	
Giao diện		Ethernet 100BASE-TX/10BASE-T	
Ngôn ngữ máy in		MH-GL, MH-GL2, MH-RTL (RTL PASS)	
Bộ nhớ		256 MB	
Nguồn điện		AC100-240±10% (50/60Hz)	
Mức tiêu thụ điện	OFF	1 W	
	ON	100 W	
Mức độ ồn		67.7 dB	
Môi trường hoạt động		Nhiệt độ 10 ~ 35°C / Độ ẩm 40 ~ 60% (không hơi nước)	
Chứng chỉ		MET (USA), CE (EU), FCC (USA), VCCI (Japan), RoHS (EU), CB REPORT	
Kích thước máy (Dài x Rộng x Cao)		1,772 mm × 504 mm × 983 mm	1,192 mm × 504 mm × 357 mm
Khối lượng máy in	Thân máy	45 kg	30.5 kg
	Chân máy	16.5 kg	Tùy chọn
Kích thước đóng gói (Dài x Rộng x Cao)	Thân máy	1,905 mm × 630 mm × 581 mm / 69 kg	1,343 mm × 652 mm × 510 mm / 37 kg
	Chân máy	1,510 mm × 435 mm × 260 mm / 21 kg	(Tùy chọn)
Tùy chọn		Thanh cuộn giấy A0 2 Inches RJ9-SR02	Thanh cuộn giấy A1 2 Inches RJ9-SR12
		Flange Spacer 3 Inches Assy RJ9-FS03	
		Thiết bị giữ giấy RJ9-PH	
		-	Chân đỡ A1 RJ901X-STD
		-	Chân đỡ A1 với giỏ RJ902X-STD-B
		Chân đỡ A0 RJ900X-STD	-
		Chân đỡ A0 RJ900X-STD-HIGH	-
		Giỏ [A0] RJ900X-BSKT-A0	-

(*1) Tốc độ in thay đổi theo các điều kiện như chế độ in (sống, sống mịn, sống siêu mịn), kích thước dữ liệu in, máy tính, phần mềm ứng dụng và giao diện.